

Vietnam Daily Review

Nước Mỹ bắt đầu Bầu cử, VNIndex tăng nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 4/11/2020		•	
Tuần 2/11-6/11/2020		•	
Tháng 11/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index duy trì sắc xanh trong phần lớn thời gian giao dịch và hiện đã trở về quanh ngưỡng 935. Dòng tiền đầu tư giảm nhẹ nhưng vẫn có 14/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại vẫn đang bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường có sự cải thiện so với phiên trước, đồng thời độ rộng thị trường ở trạng thái tích cực cho thấy lực cầu đang chiếm ưu thế. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể sẽ có phiên dao động với biên độ lớn vào ngày mai khi mà đa số kết quả kiểm phiếu bầu cử của các bang tại Mỹ được công bố.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 875 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 03/11/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Lãi suất giảm_2.9%**

Phân tích kỹ thuật: GVR_Duy trì sự tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+1.73** điểm, đóng cửa **935.41**. HNX-Index **+1.71** điểm, đóng cửa **138.58**.
- Kéo chỉ số tăng: **GVR (+1.07); TCB (+0.6); BID (+0.57); PDR (+0.31); GAS (+0.27)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-1.95); VCB (-0.82); CTG (-0.21); MSN (-0.16); BCM (-0.14)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **5,851** tỷ đồng, **+25.72%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 5.39 điểm. Thị trường có **266** mã tăng, 69 mã tham chiếu và **157** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-652.95** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MSN (-211.1 tỷ), HPG (-172.5 tỷ) và VHM (-56.8 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-6.51** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **935.41**

Giá trị: 5851.88 tỷ **1.73 (0.19%)**

Khối ngoại (ròng): -652.95 tỷ

HNX-INDEX **138.58**

Giá trị: 592.05 tỷ **1.71 (1.25%)**

Khối ngoại (ròng): -6.51 tỷ

UPCOM-INDEX **63.14**

Giá trị: 0.18 tỷ **0.06 (0.1%)**

Khối ngoại (ròng): -2.14 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	37.6	2.04%
Giá vàng	1,896	0.02%
Tỷ giá USD/VND	23,184	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	27,009	0.01%
Tỷ giá JPY/VND	22,167	0.22%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	19.45%
LS TPCP 5 năm	1.4%	2.27%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SBT	11.1	MSN	-211.1
GVR	7.4	HPG	-172.5
BVH	6.9	VHM	-56.8
IMP	4.6	VRE	-52.9
HSG	4.4	GAS	-47.8
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Thị trường hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cập nhật ngành Phân bón	Trang 7-9
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 10
Thống kê thị trường	Trang 11
Khuyến nghị dài hạn	Trang 12
Báo cáo mới nhất	Trang 13
iBroker	Trang 14
Khuyến cáo sử dụng	Trang 15

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Lãi suất giảm_2.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	22/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Lãi suất giảm	2.9%	3.4%	3.4%	1.4%	25.0%	21.1%	31.6%
Stay-at-home	2.7%	3.4%	3.4%	1.5%	22.8%	28.4%	32.7%
Bất động sản Khu công nghiệp	2.3%	4.0%	4.0%	2.4%	23.4%	24.3%	28.6%
Đầu tư công	1.4%	2.3%	2.3%	0.7%	25.8%	18.7%	25.2%
Corona Avengers	1.2%	2.3%	2.3%	0.3%	17.1%	12.8%	33.7%
Hàng tiêu dùng	1.2%	2.0%	2.0%	8.7%	28.5%	17.9%	28.8%
Ngân Hàng	1.0%	2.5%	2.5%	6.5%	28.7%	17.6%	33.0%
VN Diamond	1.0%	2.1%	2.1%	3.9%	19.6%	-1.6%	30.7%
Xây dựng	1.0%	2.9%	2.9%	0.6%	23.4%	14.1%	30.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.9%	1.6%	1.6%	4.6%	23.1%	4.1%	29.5%
Chiến tranh thương mại	0.9%	1.5%	1.5%	2.7%	26.3%	9.2%	30.2%
Dầu khí	0.9%	0.9%	0.9%	-5.1%	6.8%	-18.3%	38.2%
Nước & Năng lượng	0.8%	0.7%	0.7%	-2.8%	12.7%	1.4%	25.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.8%	2.3%	2.3%	5.4%	24.1%	16.5%	30.2%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.7%	2.2%	2.2%	1.9%	16.0%	3.2%	31.1%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.7%	2.0%	2.0%	6.1%	22.6%	-1.6%	31.7%
VN FinSelect	0.7%	2.2%	2.2%	2.1%	15.6%	3.1%	29.6%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.6%	1.7%	1.7%	0.5%	19.6%	22.2%	21.2%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.6%	1.1%	1.1%	7.1%	25.1%	11.1%	27.0%
EVFTA	0.6%	1.4%	1.4%	-0.7%	0.3%	0.3%	16.9%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.4%	1.0%	1.0%	3.7%	19.6%	4.9%	27.4%
Bất động sản & Khu công nghiệp	0.3%	-0.3%	-0.3%	-1.7%	13.3%	0.3%	24.6%
Cổ phiếu ngành Dược	0.2%	1.0%	1.0%	1.8%	16.3%	6.6%	21.0%
Vật liệu Xây dựng	0.0%	0.3%	0.3%	3.3%	23.9%	21.0%	28.1%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.3%	0.1%	0.1%	6.1%	16.0%	0.4%	24.8%
FTSE Việt Nam	-0.4%	-0.2%	-0.2%	4.1%	13.8%	1.5%	24.9%

Mục tiêu	8/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S11	1.5%	1.8%	1.8%	5.5%	23.9%	23.0%	25.5%
S21	0.8%	1.2%	1.2%	2.6%	24.1%	7.2%	27.4%
M22	0.8%	1.7%	1.7%	3.4%	17.6%	11.4%	25.6%
L22	0.7%	1.5%	1.5%	2.0%	21.8%	3.4%	27.6%
S32	0.7%	2.5%	2.5%	7.2%	25.0%	1.3%	33.4%
M12	0.7%	1.6%	1.6%	4.7%	17.2%	4.5%	25.4%
L11	0.4%	0.7%	0.7%	1.7%	17.4%	4.2%	24.3%
M31	0.2%	1.6%	1.6%	4.3%	23.8%	7.5%	30.2%
L32	0.1%	1.4%	1.4%	9.9%	26.0%	1.7%	30.5%

Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	1.5%	1.7%	1.7%	3.8%	24.7%	20.3%	25.3%
HIGH3	0.6%	1.5%	1.5%	5.5%	22.0%	5.8%	28.3%
LOW1	0.4%	1.0%	1.0%	1.9%	13.6%	1.9%	25.3%

INDEX							
VNINDEX	0.2%	1.1%	1.1%	3.3%	13.4%	-2.7%	24.2%
VN30INDEX	0.3%	1.1%	1.1%	5.1%	17.1%	2.6%	25.5%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	22	4	18	8	18	8
Mục tiêu	9	8	1	8	1	8	1
Rủi ro	3	3	0	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

https://invest.bsc.com.vn/#/login
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 03/11

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	36.77	-0.11%	-7.10%	-1.50%	-30.95%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	38.87	-0.26%	-6.60%	-2.40%	-33.14%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	105.04	-0.15%	-6.90%	-4.60%	-30.05%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1896.14	0.03%	-0.60%	-0.20%	29.15%		PNJ
Bạc	USD/ounce	24.09	-0.01%	-1.20%	1.50%	42.00%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1057.50	0.50%	-1.80%	3.20%	8.18%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	609.75	0.37%	-1.00%	6.40%	12.19%		AFX
Sữa	USD /cwt	23.75	-0.21%	6.20%	22.70%	36.89%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	207.12	-5.66%	-14.90%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.97	4.25%	1.40%	10.20%	10.40%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	102.80	-1.53%	-3.60%	-4.00%	-11.30%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6762.00	0.65%	-0.30%	5.90%	15.06%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	555.01	0.16%	2.90%	6.90%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	576.54	-0.34%	1.60%	7.30%			
Nhôm	USD/ton	1866.00	0.95%	2.10%	7.30%	2.81%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	118.19	-0.77%	3.30%	5.40%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	59.90	1.10%	2.30%	-3.90%	-18.28%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 1/2021 tăng 1.03 USD tương đương 2.7% lên 38.97 USD/thùng. Dầu thô WTI kỳ hạn tháng 12/2020 tăng 1.02 USD tương đương 2.9% lên 36.81 USD/thùng. Cả hai loại dầu đều giảm hơn 2 USD trong đầu phiên giao dịch, song hồi phục trở lại do số liệu nhà máy tại châu Á và Mỹ tăng mạnh. Hoạt động sản xuất của Mỹ trong tháng 10/2020 tăng hơn so với dự kiến, với các đơn đặt hàng mới tăng lên mức cao nhất trong gần 17 năm.

Giá vàng

• Vàng giao ngay tăng 0.8% lên 1,893.13 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 tăng 0.7% lên 1,892.5 USD/ounce.
• Giá vàng tăng do sự không chắc chắn xung quanh kết quả cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ, trong khi các trường hợp nhiễm virus corona trên toàn cầu tăng, đẩy lên mối lo ngại về sự phục hồi kinh tế, thúc đẩy nhu cầu tài sản trú ẩn an toàn là vàng

Giá cao su

• Hợp đồng cao su tháng 4/2021 trên sàn Osaka giảm 20 JPY tương đương 8% xuống 230.2 JPY(2.2 USD)/kg. Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 1/2021 giảm 755 CNY xuống 15,255 CNY (2,277 USD)/tấn.
• Giá cao su trên sàn Osaka giảm 8% do các nhà đầu tư bán ra chốt lời sau khi tăng 36% trong tháng 10/2020 và lo ngại thiếu hụt nguồn cung tại các quốc gia Đông Nam Á suy giảm.

Giá nông sản

• Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn ICE giảm 1.6 US cent xuống 1.028 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn London giảm 17 USD xuống 1,322 USD/tấn.
• Đường thô kỳ hạn tháng 3/2021 trên sàn ICE tăng 0.73 US cent tương đương hơn 4% lên 14.97 US cent/lb, trong phiên có lúc đạt 15.04 US cent/lb – cao nhất 8 tháng. Đường trắng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn London tăng hơn 3% lên 402.1 USD/tấn.

	3/11	% 3/11	2/11	% 2/11	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	935.41	0.19%	933.68	0.89%	-1.17%	2.80%
S&P 500			3310.24	1.23%	-2.67%	-2.09%
HĐTL S&P500	3323.75	0.70%	3300.50	1.10%	-1.75%	-0.46%
Shang- hai	3271.07	1.42%	3225.12	0.02%	0.51%	1.49%
Euro Stoxx	3051.38	1.05%	3019.54	2.07%	-0.63%	-4.37%

Phân tích kỹ thuật

GVR_Duy trì sự tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Ở trong vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: GVR vẫn đang ở trong xu hướng tăng giá từ đầu tháng 8 đến nay với xuất phát điểm từ vùng hỗ trợ xung quanh 9.5. Thanh khoản cổ phiếu những ngày giao dịch gần đây đang có chiều hướng tăng dần. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái tích cực. Hôm nay, đường MACD vừa cắt lên trên đường tín hiệu nhưng chỉ báo RSI đã đi vào vùng quá mua nên cổ phiếu có thể đi ngang tích lũy trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của GVR nằm tại xung quanh giá 15. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 18.75, cắt lỗ nếu ngưỡng 13 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

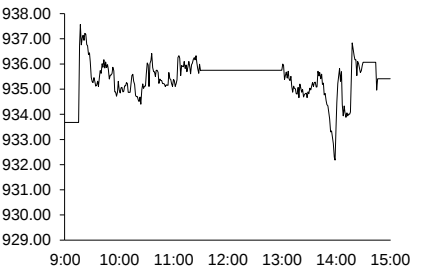
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bất động sản	-0.68%
Truyền thông	-0.61%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.07%
Viễn thông	0.00%
Y tế	0.00%
Thực phẩm và đồ uống	0.04%
Tài nguyên Cơ bản	0.11%
Dầu khí	0.15%
Ngân hàng	0.36%
Xây dựng và Vật liệu	0.63%
Dịch vụ tài chính	0.71%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.79%
Du lịch và Giải trí	0.80%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.88%
Bán lẻ	1.14%
Bảo hiểm	1.19%
Công nghệ Thông tin	1.76%
Ô tô và phụ tùng	1.94%
Hóa chất	3.50%

Hình 1

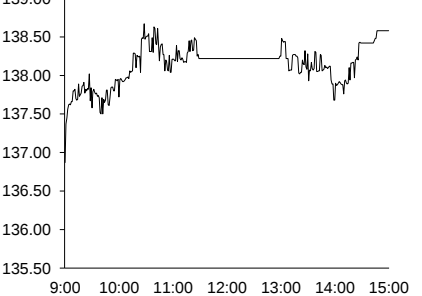
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
11/2/2020	FIR	24.5	27	23.5	24.8	1	1.22%	Có thể tiếp tục mua
10/30/2020	MWG	104.7	120	100	107.2	4	2.39%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/29/2020	IMP	49	58	46	49.5	5	1.02%	Có thể tiếp tục mua
10/28/2020	PDR	42.2	48	38	43.4	6	2.84%	Có thể tiếp tục mua
10/27/2020	KDH	24.3	26.75	23.5	24.35	7	0.21%	Có thể tiếp tục mua
10/22/2020	SJS	24.6	29	22.5	23.6	12	-4.07%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/21/2020	DHC	46	52	44	48.1	13	4.57%	Có thể tiếp tục mua
10/20/2020	TCM	25.05	28	22	24.85	14	-0.80%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/16/2020	FPT	53.2	60	50	52.8	18	-0.75%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/15/2020	ACV	61.8	70	60	62.8	19	1.62%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/1/2020	SBT	15.3	17.43	13.56	15.35	33	0.33%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/29/2020	VNM	109.2	120.5	98.5	107.7	35	-1.37%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/25/2020	FCN	11.35	13	10	10.7	39	-5.73%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/22/2020	PVD	11.45	13.5	10.5	10.9	42	-4.80%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/21/2020	KBC	13.85	15.5	13	13.7	43	-1.08%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/17/2020	PTB	53.3	60	48	52.4	47	-1.69%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/14/2020	TCT	26.49	33.18	23.71	26.5	50	0.04%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	23.6	53	-2.07%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/10/2020	GMD	23.8	26.7	20.5	23.15	54	-2.73%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
9/8/2020	ANV	18.9	21	17.5	19.9	56	5.29%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	23.6	68	-7.09%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	43.2	85	-2.70%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	36.85	132	20.07%	Cần nhắc không mua thêm (**)
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	75.8	140	1.20%	Cần nhắc đóng vị thế (*)

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

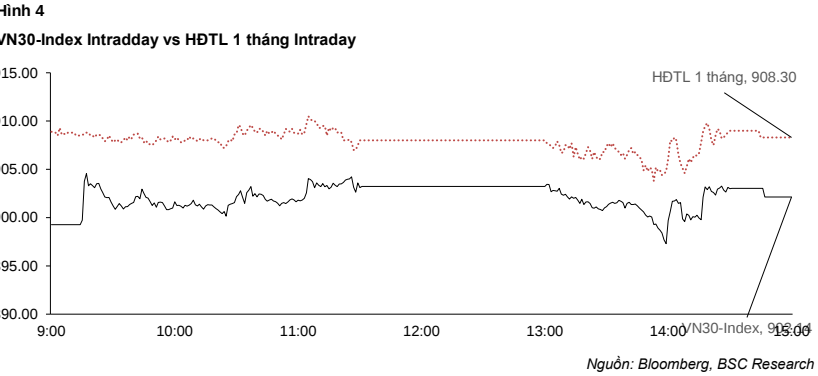
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
10/26/2020	PHR	56.5	60	55	SL	3	-2.65%
10/23/2020	CSM	17.3	20	15.75	SL	6	-8.96%
10/19/2020	DRI	4.8	5.4	3.8	TP	1	12.50%
10/14/2020	TCB	22.85	26	21.5	SL	16	-5.91%
10/13/2020	STK	15.75	17.5	15	TP	16	11.11%
10/12/2020	BWE	25.85	29	25	SL	10	-3.29%
10/9/2020	SAB	193	212.5	185	SL	4	-4.15%
10/8/2020	PPC	24	26.5	23	SL	14	-4.17%
10/7/2020	GAS	74.1	84	71	SL	23	-4.18%
10/6/2020	MSN	58	64	54.5	TP	3	10.34%
10/5/2020	DXG	10.95	12	10	TP	14	9.59%
10/2/2020	TLG	36.15	40	35	SL	18	-3.18%
9/28/2020	CEO	7.4	8.5	7	SL	30	-5.41%
9/24/2020	SIP	81.1	95	76	SL	36	-6.29%
9/23/2020	VCB	85.4	94	82.5	SL	9	-3.40%

Chú thích:
 Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	12	12	3.40%	-2.91%	0.25%	41
Cổ phiếu đã chốt	46	35	12.28%	-7.57%	3.70%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2011	908.30	0.48%	6.16	-12.5%	117,427	11/19/2020	18
VN30F2012	905.40	0.23%	3.26	-8.8%	372	12/17/2020	46
VN30F2103	905.40	0.27%	3.26	-54.5%	35	3/18/2021	137
VN30F2106	904.80	1.43%	2.66	40.5%	59	6/17/2021	228

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +2.87 điểm, lên 902.14 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, FPT, MBB, STB, VPB tác động mạnh đến vận động tăng của của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 900-905 điểm. Thanh khoản duy trì tại mức thấp, VN30 có thể vận động tích lũy quanh 900 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2012, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2011 và VN30F2012 đang tăng, trong khi VN30F2103 và VN30F2106 đang giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 875 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTCB2010	4/1/2021	149	2:1	475,100	38.99%	2,000	1,700	17.24%	1,311	1.30	25,500	21,500	22,000
CTCB2007	1/14/2021	72	2:1	498,610	38.99%	1,700	1,950	14.71%	1,395	1.40	23,400	20,000	22,000
CFPT2010	3/30/2021	147	1:1	287,800	32.26%	7,900	5,980	11.78%	5,184	1.15	59,900	52,000	52,800
CSTB2004	11/30/2020	27	1:1	486,520	45.33%	1,400	2,660	9.92%	2,663	1.00	12,400	11,000	13,600
CFPT2009	12/18/2020	45	3:1	260,350	32.26%	2,480	2,410	9.55%	2,215	1.09	54,240	46,800	52,800
CMBB2007	1/14/2021	72	1.74:1	332,640	35.62%	1,400	2,250	7.66%	975	2.31	17,217	14,783	18,250
CHPG2023	1/12/2021	70	1:1	562,330	37.57%	2,100	3,650	3.40%	3,404	1.07	30,600	28,500	30,700
CSTB2007	4/27/2021	175	2:1	629,780	45.33%	1,500	1,840	3.37%	1,734	1.06	13,999	10,999	13,600
CSTB2002	12/16/2020	43	1:1	441,990	45.33%	1,700	1,940	3.19%	1,976	0.98	13,588	11,888	13,600
CSTB2009	12/18/2020	45	1:1	200,650	45.33%	1,650	2,990	3.10%	2,830	1.06	12,550	10,900	13,600
CHPG2012	1/18/2021	76	1:1	59,340	37.57%	6,100	11,650	1.75%	4,934	2.36	32,600	26,500	30,700
CHPG2019	12/18/2020	45	2:1	776,980	37.57%	1,630	3,550	1.43%	3,391	1.05	27,360	24,100	30,700
CHPG2016	1/14/2021	72	2:1	435,310	37.57%	2,200	5,300	0.95%	2,063	2.57	31,900	27,500	30,700
CHPG2008	11/30/2020	27	1:1	128,320	37.57%	4,100	9,740	0.83%	3,079	3.16	32,100	28,000	30,700
CHPG2021	4/1/2021	149	2:1	430,020	37.57%	2,400	3,710	0.27%	3,398	1.09	29,800	25,000	30,700
CHPG2014	4/19/2021	167	1:1	48,020	37.57%	7,200	12,500	0.08%	5,852	2.14	33,700	26,500	30,700
CHPG2002	12/16/2020	43	2:1	269,580	37.57%	1,700	3,980	0.00%	1,014	3.92	33,399	29,999	30,700
CHPG2010	4/5/2021	153	4:1	930,560	37.57%	1,800	1,990	-0.50%	565	3.52	40,300	33,100	30,700
CVHM2007	2/8/2021	97	5:1	414,430	38.29%	2,900	1,590	-1.85%	1,360	1.17	89,500	75,000	75,800
CVRE2012	4/1/2021	149	4:1	707,390	43.37%	1,300	820	-8.89%	656	1.25	31,700	26,500	25,550
Tổng				8,375,720	38.96%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
			**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 03/11/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.
- CMSN2012 và CTCB2009 tăng mạnh lần lượt là 48.92% và 39.44%. Trái lại, CTCH2003 và CTCH2001 giảm mạnh lần lượt là -14.49% và -9.09%. Giá trị giao dịch tăng 1.13 lần. CHPG2020 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.35% thị trường.
- CMSN2012, CVPB2006, CSTB2008, CSTB2002, và CMSN2008 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMSN2012, CMSN2008, và CMSN2011 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CMSN2010, và CMSN2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Cập nhật nhanh ngành Phân Bón ngày 3/11/2020

Thủ tướng Chính phủ ký nghị quyết số 159/NQ-CP - thông qua hồ sơ trình Quốc hội về Dự thảo Nghị quyết sửa đổi luật thuế giá trị gia tăng đối với mặt hàng phân bón theo đề nghị của Bộ Tài chính.

Theo quan điểm của BSC, sự kiện này có thể tác động tích cực đến các doanh nghiệp sản xuất phân bón như DPM, DCM, LAS (được chuyển từ diện không chịu thuế VAT sang chịu thuế VAT 5%). Do đó, các doanh nghiệp DPM và DCM dự kiến sẽ được hoàn thuế cho nguyên liệu đầu vào (~ 300 tỷ/năm), góp phần giảm giá thành của các mặt hàng phân bón sản xuất trong nước, tăng khả năng cạnh tranh với các sản phẩm nhập khẩu nhưng cũng có thể tác động làm giảm giá bán các mặt hàng phân bón.

Bảng tổng hợp tác động của sự kiện sửa đổi luật thuế VAT đến ngành phân bón có điều chỉnh KQKD Q3/2020

Công ty	Nguyên liệu đầu vào		Sản phẩm		Vốn hóa (tỷ đồng)	Khoản thuế VAT đầu vào được hoàn 2021 (tỷ đồng)	NPAT 2021	NPAT 2021 Điều chỉnh	EPS 2021 (đồng)	EPS điều chỉnh 2021 (ĐỒNG)
	Nguyên chính	liệu	Thuế VAT	Sản phẩm	Thuế VAT					
DPM	Khí thiên nhiên		10%	Urê	5%	6,359	298	534	776	1,364
	Ure/DAP/SA/Phân kali		5%	NPK						1,984
DCM	Khí thiên nhiên		10%	Urê	5%	6,300	275	589	783	1,008
LAS	Quặng apatit		5%	Phân Lân	5%	892	107	2	28	21
	Lưu huỳnh		10%							243
	Ure/DAP/SA/Phân kali		5%	NPK						

Nguồn: BSC Research dự báo

LAS

Cập nhật kết quả kinh doanh 9T/2020:

Lũy kế 9M2020, doanh thu đạt 1,564 tỷ đồng (-22% yoy) và lỗ sau thuế -4.6 tỷ đồng - Hiện tại công ty vẫn còn cách xa kế hoạch 2020 đề ra là 3,140 tỷ đồng doanh thu và 56 tỷ đồng LNTT. Đây là sự cải thiện từ mức lỗ -10.8 tỷ đồng lũy kế 6M2020 (do Q2/2020 lỗ -15.8 tỷ đồng). Doanh thu và lợi nhuận gộp giảm do thị trường cạnh tranh gay gắt, công ty đã trực tiếp giảm giá bán, đồng thời sản lượng tiêu thụ cũng giảm -15%.

Riêng Q3/2020, Doanh thu và lợi nhuận gộp Q3/2020 đạt 403 tỷ đồng (-16% yoy) và 75 tỷ đồng (-26% yoy). Trong khi đó LNST đạt 6.12 tỷ đồng (+274% yoy), tăng mạnh so với cùng kỳ nhờ công ty đã giảm được 9.35 tỷ đồng chi phí bán hàng và 2.19 tỷ đồng chi phí quản lý, đồng thời thu hồi công nợ triệt để (nợ phải thu giảm 769 tỷ đồng, nợ vay giảm 826 tỷ đồng) nên chi phí tài chính giảm 19 tỷ đồng. BSC dự báo Q4/2020: kỳ vọng kết quả kinh doanh chưa hẳn gặp khó khăn như quý 3, và biên lợi nhuận gộp không cải thiện nhiều so với cùng kỳ do thị trường cạnh tranh gay gắt, giá bán vẫn duy trì ở mức thấp và giá nguyên vật liệu đang có xu hướng tăng.

Cập nhật nhanh ngành Phân Bón ngày 3/11/2020

DPM- Theo dõi- TP 17,440 đồng (upside 13.5% so với giá đóng cửa ngày 30/10/2020)-P/E fw=8.2x, P/B fw=0.85x
Trường hợp điều chỉnh VAT -TP 19,330 đồng/ CP (+19.9%)

Cập nhật kết quả kinh doanh 9T/2020

-Tổng doanh thu đạt 5,895 tỷ đồng (+8% yoy) – hoàn thành 65% kế hoạch 2020, và LNST đạt 597 tỷ đồng (+293% yoy) – hoàn thành 137% kế hoạch 2020. Biên lợi nhuận gộp được cải thiện lên mức 23% so với mức 15.7% cùng kỳ nhờ (1) Sản lượng kinh doanh ure ước đạt 642 ngàn tấn (+41% YoY) và 81.3% kế hoạch năm - cải thiện so với cùng kỳ do không chịu ảnh hưởng từ bảo trì nhà máy, trong đó, sản lượng xuất khẩu vượt kì vọng, trong đó, Tổng sản lượng tiêu thụ ure 9T/2020, trong đó, sản lượng xuất khẩu ure tăng đột biến đạt 61 nghìn tấn (+12 lần YoY) nhờ nhu cầu ure tăng cao sau dịch ở châu Á; với biên lợi nhuận gộp xuất khẩu tốt hơn nhờ (a) Giá xuất khẩu đạt 268 USD/tấn FOB, cao hơn giá nội địa và (b) không phải chịu chi phí tiếp thị và bán hàng như trong nước (2) Giá khí đầu vào ước tính giảm 26%YoY. Lưu ý về rủi ro tiềm ẩn khi chi phí vận chuyển tăng từ 1.43 USD/MMBTU lên 1.9 USD/MMBTU trong 1H/2020, nhưng cước phí thực tế có thể thấp hơn theo báo cáo kiểm toán cuối năm

BSC dự báo KQKD: Chưa điều chỉnh tác động của sự kiện thay đổi luật VAT

- Q4/2020: sản lượng kinh doanh ure kì vọng chỉ ước đạt 148 ngàn tấn (-37.6% YoY) do kế hoạch bảo trì nhà máy. Duy trì biên lợi nhuận gộp ước đạt tương đương Q3 ~22%, do duy trì sản lượng xuất khẩu tốt và giá bán tăng từ Q3/2020, nhưng giá khí dự kiến có xu hướng tăng và nhu cầu phân bón trong nước bị ảnh hưởng vào mùa mưa bão.

- Năm 2020: DT và NPAT lần lượt ước đạt 7,970 tỷ đồng (+3.7% YoY) và 772 tỷ đồng (+104.3% YoY). EPS FW 2020 = 1.972 đồng.

- Năm 2021: DT đạt 8,487 tỷ đồng (+6.5% YoY) và NPAT đạt 534 tỷ đồng (-30.8% YoY). EPS FW 2021 = 1,364 đồng.

Kỳ vọng vào khoản hoàn thuế khi luật thuế được sửa đổi vào năm 2021 (chưa đưa vào dự phóng)

Trường hợp 1: Luật thuế VAT không được thông qua (kịch bản dự phóng cơ sở)

Đơn vị: Tỷ đồng	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh Thu	7,970	8,487	8,849	9,174	9,278
Giá vốn	6,163	6,842	7,101	7,333	7,367
Lợi nhuận gộp	1,807	1,645	1,748	1,840	1,911
Biên lợi nhuận gộp	23%	19%	20%	20%	21%
EBIT	882	567	624	674	732
EPS	1,972	1,364	1,569	1,767	1,925

Nguồn: BSC Research dự báo

Trường hợp 2: Luật thuế VAT được thông qua vào cuối năm 2020

Dựa trên giả định, giá bán không đổi, BSC kỳ vọng sự kiện này sẽ giúp DPM được hoàn thuế VAT đầu vào, tương đương ~300 tỷ đồng/năm trong giai đoạn dự phóng, tác động tích cực đến biên lợi nhuận gộp toàn công ty từ năm 2021.

Đơn vị: Tỷ đồng	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh Thu	7,970	8,487	8,849	9,174	9,278
Giá vốn	6,163	6,544	6,803	7,028	7,065
Lợi nhuận gộp	1,807	1,943	2,046	2,146	2,213
Biên lợi nhuận gộp	23%	23%	23%	23%	24%
EBIT	882	864	921	980	1,034
EPS	1,972	1,984	2,223	2,466	2,648
Giá điều chỉnh	19,330 đồng/ CP (+19.9%)				

Nguồn: BSC Research dự báo

Cập nhật nhanh ngành Phân Bón ngày 3/11/2020

DCM- TP 12,278 đồng (Upside 7.4% so với giá đóng cửa ngày 30/10/2020)- P/E fw=11.14x, P/B fw=1.09x

Trường hợp điều chỉnh VAT -TP 13,050 đồng/ CP (+17.8%)

Cập nhật kết quả kinh doanh 9T/2020:

- Tổng doanh thu đạt 5,458 tỷ đồng (+7.8% yoy) – hoàn thành 68.6% kế hoạch 2020, trong đó doanh thu xuất khẩu ure đạt 1,190 tỷ đồng (+121.4%YoY), và LNST đạt 463 tỷ đồng (+50% yoy) – hoàn thành 890% kế hoạch 2020- công ty đặt kế hoạch thấp hơn cùng kỳ do cơ chế giá khí thay đổi. Biên lợi nhuận gộp được cải thiện lên mức 16.5% so với mức 13.4% cùng kỳ nhờ (1) Sản lượng kinh doanh ure kinh doanh + 35.5% cùng kỳ, trong đó, sản lượng xuất khẩu đạt 219.79 ngàn tấn do nhu cầu phân bón ở các quốc gia châu Á tăng cao (2) Giá khí đầu vào thấp hơn đáng kể so với kế hoạch công ty do cơ chế thả nổi giá khí mới. Mặt khác, giá bán bình quân ure 9T/2020 giảm 12.67% YoY do lượng tồn kho nội địa tương đối lớn và cạnh tranh gay gắt.

BSC dự báo KQKD: Chưa điều chỉnh tác động của sự kiện thay đổi luật VAT

- Q4/2020: Duy trì biên lợi nhuận tích cực ~13% (14.2%,2019) do duy trì sản lượng xuất khẩu tốt và giá bán có dấu hiệu phục hồi từ cuối Q3/2020, nhưng giá khí đầu vào đang có xu hướng tăng và nhu cầu phân bón trong nước bị ảnh hưởng vào mùa mưa bão.

Kỳ vọng nhà máy phân bón phức hợp bắt đầu được đưa vào vận hành thương mại vào Q4/2020

- Năm 2020: DT và NPAT lần lượt ước đạt 7,661 tỷ đồng (+8.8% YoY) và 566 tỷ đồng (+32.7% YoY). EPS FW 2020 = 1,069 đồng.

- Năm 2021: DT đạt 8,852 tỷ đồng (+15.5% YoY) và NPAT đạt 534 tỷ đồng (-5.6% YoY). EPS FW 2021 = 1,008 đồng.

Kỳ vọng vào khoản hoàn thuế khi luật thuế được sửa đổi vào năm 2021 (chưa đưa vào dự phóng)

Trường hợp 1: Luật thuế VAT không được thông qua (kịch bản dự phóng cơ sở)

Đơn vị: Tỷ đồng	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh Thu	7,661	8,852	9,319	9,670	10,034
Giá vốn	6,473	7,530	8,036	8,449	8,866
Lợi nhuận gộp	1,188	1,321	1,283	1,222	1,168
EBIT	592	573	551	446	350
EPS	1,069	1,008	1,013	959	804

Nguồn: BSC Research dự báo

Trường hợp 2: Luật thuế VAT được thông qua vào cuối năm 2020

Dựa trên giả định, giá bán không đổi, BSC kỳ vọng sự kiện này sẽ giúp DCM được hoàn thuế VAT đầu vào, tương đương ~300 tỷ đồng/năm trong giai đoạn dự phóng, tác động tích cực đến biên lợi nhuận gộp toàn công ty từ năm 2021.

Đơn vị: Tỷ đồng	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh Thu	7,661	8,852	9,319	9,670	10,034
Giá vốn	6,473	7,255	7,762	8,170	8,583
Lợi nhuận gộp	1,188	1,597	1,557	1,500	1,451
EBIT	592	849	825	724	633
EPS	1,069	1,479	1,504	1,487	1,357
Giá điều chỉnh	13,050 đồng/ CP (+17.8%)				

Nguồn: BSC Research dự báo

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	107.2	0.8%	1.2	2,110	2.3	8,517	12.6	3.2	49.0%	29.0%	
PNJ	Bán lẻ	71.0	-0.7%	1.2	695	3.3	4,592	15.5	3.3	49.0%	22.8%	
BVH	Bảo hiểm	52.0	2.0%	1.5	1,678	1.7	1,731	30.0	1.9	28.4%	7.1%	
PVI	Bảo hiểm	29.0	-1.4%	0.3	282	0.0	2,729	10.6	1.0	54.4%	9.1%	
VIC	Bất động sản	104.4	-2.0%	0.8	15,353	3.4	2,660	39.2	4.1	13.8%	11.0%	
VRE	Bất động sản	25.6	0.2%	1.1	2,524	4.3	1,001	25.5	2.0	30.3%	8.1%	
VHM	Bất động sản	75.8	-0.1%	1.2	10,841	6.8	6,895	11.0	3.3	21.9%	35.4%	
DXG	Bất động sản	11.8	0.4%	1.4	266	1.2	(151)	N/A	N/A	0.9	35.8%	-1.3%
SSI	Chứng khoán	17.4	1.2%	1.3	453	2.3	1,834	9.5	1.1	49.9%	11.5%	
VCI	Chứng khoán	38.1	-1.2%	1.0	274	1.0	3,770	10.1	1.6	27.0%	15.9%	
HCM	Chứng khoán	21.8	2.6%	1.6	288	2.9	1,705	12.8	1.5	48.7%	11.8%	
FPT	Công nghệ	52.8	2.1%	0.8	1,800	5.8	4,236	12.5	2.7	49.0%	23.1%	
FOX	Công nghệ	50.0	0.4%	0.4	595	0.0	4,812	10.4	2.6	0.0%	28.3%	
GAS	Dầu khí	70.2	0.7%	1.4	5,842	3.0	4,752	14.8	2.9	3.1%	19.7%	
PLX	Dầu khí	48.3	-0.1%	1.5	2,560	0.2	682	70.8	2.9	16.0%	4.3%	
PVS	Dầu khí	13.4	1.5%	1.5	278	1.1	1,621	8.3	0.5	10.0%	5.2%	
BSR	Dầu khí	6.8	0.0%	0.8	917	0.1	898	7.6	0.6	41.1%	8.5%	
DHG	Dược	104.0	0.1%	0.5	591	0.0	5,405	19.2	4.1	54.8%	21.7%	
DPM	Hóa chất	17.0	-0.9%	0.4	289	1.2	2,011	8.5	0.8	11.9%	10.4%	
DCM	Hóa chất	12.6	-0.8%	0.5	290	1.4	872	14.4	1.0	3.7%	7.4%	
VCB	Ngân hàng	85.0	-0.9%	1.1	13,707	1.1	4,630	18.4	3.4	23.6%	19.7%	
BID	Ngân hàng	39.4	1.3%	1.3	6,890	1.8	4,359	9.0	2.0	17.4%	12.5%	
CTG	Ngân hàng	30.2	-0.7%	1.2	4,889	6.6	2,948	10.2	1.4	29.4%	14.0%	
VPB	Ngân hàng	24.0	0.6%	1.2	2,538	5.4	4,111	5.8	1.2	23.2%	22.2%	
MBB	Ngân hàng	18.3	1.4%	1.1	2,200	2.8	2,995	6.1	1.1	23.0%	20.0%	
ACB	Ngân hàng	25.0	2.0%	0.9	2,350	8.3	3,109	8.0	1.6	30.0%	23.0%	
BMP	Nhựa	53.8	-0.9%	0.8	191	0.3	6,186	8.7	1.9	81.0%	20.7%	
NTP	Nhựa	33.6	0.3%	0.4	172	0.1	3,820	8.8	1.5	19.0%	17.5%	
MSR	Tài nguyên	15.9	1.9%	0.4	684	0.0	356	44.7	1.3	1.7%	2.9%	
HPG	Thép	30.7	0.3%	1.2	4,423	23.5	3,241	9.5	1.9	34.2%	21.3%	
HSG	Thép	16.5	3.4%	1.5	319	14.7	2,591	6.4	1.1	9.5%	19.1%	
VNM	Tiêu dùng	107.7	0.1%	0.8	9,785	4.1	5,039	21.4	7.5	49.7%	33.0%	
SAB	Tiêu dùng	185.5	0.0%	0.8	5,172	0.6	6,312	29.4	6.0	63.1%	22.6%	
MSN	Tiêu dùng	84.0	-0.6%	1.1	4,290	11.6	2,067	40.6	4.8	35.9%	8.9%	
SBT	Tiêu dùng	15.4	4.4%	0.9	392	2.8	702	21.9	1.3	5.4%	5.5%	
ACV	Vận tải	62.8	0.3%	0.8	5,944	0.1	3,450	18.2	3.7	3.3%	22.3%	
VJC	Vận tải	105.5	0.6%	1.1	2,403	2.7	(1,528)	N/A	N/A	4.0	17.5%	-5.6%
HVN	Vận tải	25.0	1.2%	1.7	1,542	0.3	(7,345)	N/A	N/A	5.2	9.2%	-83.7%
GMD	Vận tải	23.2	0.4%	0.9	299	0.3	1,179	19.6	1.2	49.0%	5.8%	
PVT	Vận tải	13.4	0.0%	1.2	164	0.9	1,966	6.8	0.8	17.6%	12.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	72.3	0.7%	1.0	488	0.5	8,260	8.8	3.4	2.8%	40.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	23.0	0.0%	0.7	448	0.1	1,411	16.3	1.6	7.7%	10.1%	
HT1	Vật liệu xây dựng	15.6	2.6%	0.9	259	0.5	1,762	8.9	1.0	5.9%	11.9%	
CTD	Xây dựng	55.9	-1.1%	1.0	185	1.0	7,504	7.4	0.5	46.6%	6.9%	
CII	Xây dựng	16.8	2.8%	0.3	174	0.7	114	147.2	0.8	32.3%	0.5%	
REE	Điện	42.2	1.6%	-1.4	569	0.5	4,599	9.2	1.2	49.0%	13.7%	
PC1	Điện	22.7	2.3%	-0.4	157	0.2	2,689	8.4	1.0	14.3%	9.9%	
POW	Điện	9.7	2.1%	0.6	988	1.2	679	14.3	0.8	9.8%	5.8%	
NT2	Điện	22.5	0.0%	0.6	282	0.1	2,103	10.7	1.6	19.3%	14.6%	
KBC	Khu công nghiệp	13.7	-2.8%	0.8	280	0.7	879	15.6	0.7	18.3%	4.4%	
BCM	Khu công nghiệp	39.4	-1%	1.0	1,773	0.0	#N/A	N/A	N/A	2.7	1.8%	#VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GVR	15.50	6.16	1.03	11.25MLN
TCB	22.00	2.80	0.60	27.96MLN
BID	39.40	1.29	0.57	1.04MLN
PDR	43.40	6.90	0.30	3.12MLN
GAS	70.20	0.72	0.27	975380

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-2.02	751070	1.11MLN
VCB	0.00	-0.85	308550	607060
CTG	0.00	-0.21	4.96MLN	373600
MSN	0.00	-0.17	3.18MLN	192700
BCM	0.00	-0.15	2620	611640

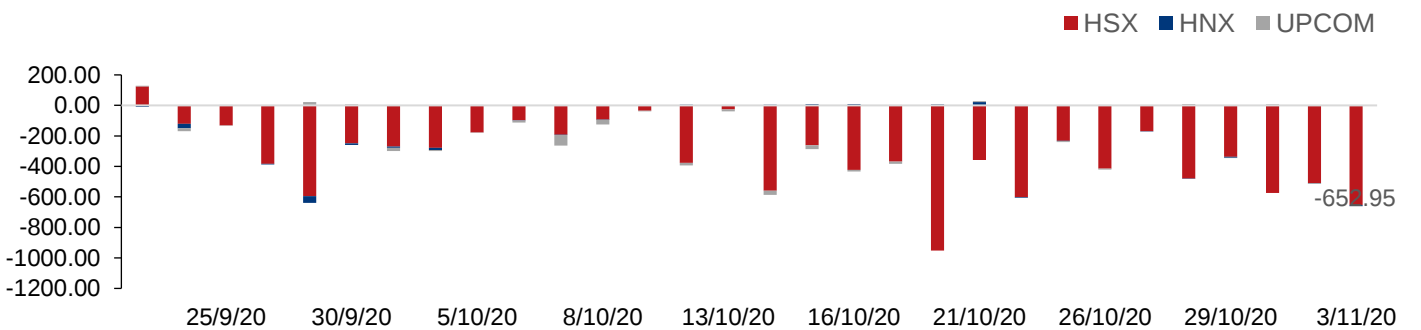
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GEG	15.30	6.99	0.06	801190.00
CMV	12.35	6.93	0.00	10
PDR	43.40	6.90	0.30	3.12MLN
STG	14.75	6.88	0.03	280
HTN	31.15	6.86	0.02	129380

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HVX	3.21	-6.96	0.00	6570
HRC	40.95	-6.93	-0.03	10
TTF	5.65	-6.92	-0.03	8.53MLN
VAF	8.61	-6.92	-0.01	3510
HU3	7.82	-6.90	0.00	28690

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	107.2	8,517	12.6	3.2	Click	
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.7	885	9.8	0.7	Click	
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	41.8	5,130	8.1	1.4	Click	
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.4	2,066	11.8	1.8	Click	
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	30.7	3,241	9.5	1.9	Click	
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	27.2	2,627	10.4	1.4	Click	
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	24.0	4,111	5.8	1.2	Click	
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	41.6	13,673	3.0	1.1	Click	
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	84.0	2,067	40.6	4.8	Click	
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	41.7	5,316	7.8	1.6	Click	
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	16.5	2,591	6.4	1.1	Click	
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	43.2	5,479	7.9	2.2	Click	
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	24.1	1,816	13.3	1.9	Click	
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	30.7	3,241	9.5	1.9	Click	
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	22.0	3,258	6.8	1.1	Click	
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	71.0	4,592	15.5	3.3	Click	
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	106.9	4,105	26.0	9.2	Click	
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	11.8	-151	#N/A	N/A	0.9	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	22.4	1,928	11.6	1.4	Click	
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	23.6	6,870	3.4	1.3	Click	
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	28.0	4,752	5.9	1.2	Click	
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	57.9	5,241	11.0	2.4	Click	
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	85.0	4,630	18.4	3.4	Click	
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	25.0	3,109	8.0	1.6	Click	
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	41.8	5,130	8.1	1.4	Click	
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	57.1	3,674	15.5	2.5	Click	
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	52.8	4,236	12.5	2.7	Click	
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	23.2	1,179	19.6	1.2	Click	
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	13.7	879	15.6	0.7	Click	
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	185.5	6,312	29.4	6.0	Click	
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.4	2,066	11.8	1.8	Click	
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	107.7	5,039	21.4	7.5	Click	
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	11.0	1,412	7.8	0.7	Click	
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	107.2	8,517	12.6	3.2	Click	
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	19.0	1,918	9.9	1.4	Click	
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	104.0	5,405	19.2	4.1	Click	
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	13.4	1,966	6.8	0.8	Click	
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	71.0	4,592	15.5	3.3	Click	
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	31.6	4,313	7.3	1.5	Click	
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	236.4	14,782	16.0	6.5	Click	

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
2	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
4	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
5	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
6	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
9	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
13	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
14	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
16	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
17	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
18	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
21	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
22	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
28	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
31	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
34	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
36	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
38	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
40	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VJC 2020Q3	17/9/20	Dự báo KQKD: BSC ước tính doanh thu thuần năm 2020 của VJC đạt 27,894 tỷ (-45% YoY) với giả định sản lượng hành khách giảm 70% (Tương đương 31% khách nội địa và 89% khách quốc tế), giá cước phí hàng không giảm 5% để cạnh tranh với các hãng hàng không khác. LNST ước đạt 5 tỷ đồng -99% YoY
Express TNG 2020Q3	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 13400 Dự báo KQKD: Năm 2020, công ty đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 4,600 tỷ và 230 tỷ, tương đương với thực hiện năm 2019. Cổ tức năm 2020 dự kiến là 16% (cả tiền mặt và cổ phiếu)
Express NKG 2020Q4	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7950 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần của NKG đạt 11,808 tỷ đồng (-11.2% YoY), LNST từ hoạt động kinh doanh cốt lõi (không tính LN bất thường) là 142 tỷ (gấp 2 cùng kỳ), tương đương EPS = 823 đồng/CP.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639